

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 2167/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 20 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: Khu dân cư phía Bắc tuyến đường từ Trạm điện đến cầu Tự Lực
của UBND huyện Hoài Ân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 363/STNMT-CCBVMT ngày 29/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khu dân cư phía Bắc tuyến đường từ Trạm điện đến cầu Tự Lực của UBND huyện Hoài Ân;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khu dân cư phía Bắc tuyến đường từ Trạm điện đến cầu Tự Lực của UBND huyện Hoài Ân đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 583/UBND-BQL ngày 05/6/2024;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 684/TTr-STNMT ngày 17/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư phía Bắc tuyến đường từ Trạm điện đến cầu Tự Lực (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Hoài Ân;
- UBND thị trấn Tăng Bạt Hổ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10: *llh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC TUYẾN ĐƯỜNG TỪ TRẠM ĐIỆN
ĐẾN CẦU TỰ LỰC CỦA UBND HUYỆN HOÀI AN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khu dân cư phía Bắc tuyến đường từ Trạm điện đến cầu Tự Lực.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND huyện Hoài Ân.
- Địa chỉ liên hệ: Số 04, Đường Lê Duẩn, Thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại liên hệ: 0256. 3870713

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Tổng diện tích 17.750 m² (tại vị trí quy hoạch đất ở số 10, 11 trong Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc tuyến đường đã quy hoạch từ trạm 35KVA đến cầu Tự Lực, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân).

- Quy mô: Gồm 88 lô đất với diện tích 11.334,8 m² với tổng quy mô dân số dự kiến khoảng 352 người.

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	11.334,8	63,86
2	Đất hạ tầng giao thông + HTKT	6.415,2	36,14
	Tổng cộng	17.750,0	100,0

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

- 1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 88 lô đất ở liền kề với diện tích 11.334,8 m².

- 1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC, thông tin liên lạc.

- 1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 5.454,7 m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD) và ô nhiễm vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,....

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 35,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 10 – 20 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là cát, đá, sắt thép

vụn, gỗ, bao bì xi măng,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 3.848 m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 281,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hoạt động thi công xây dựng, chiếu sáng công trình và bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 30 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì,...), các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,....

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyên đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 01 nhà vệ sinh di động bằng composite có dung tích 2,5 m³; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải

sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: Được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng tối đa cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Dọc theo các đường nội bộ bố trí các tuyến cống bê tông cốt thép có đường kính từ D600 – D1200mm và 01 tuyến cống hộp có kích thước 2x2(m) dài 286m bằng BTCT được bố trí dọc ranh phía Tây, Bắc dự án để thu gom nước mưa, thoát ra mương đất phía Đông Nam dự án qua 02 cửa xả bằng cống D1200mm và cống hộp 2x2(m): cửa xả 1 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trục $108^015'$: X(m) = 1.588.272; Y(m) = 576.925), cửa xả 2 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trục $108^015'$: X(m) = 1.588.384; Y(m) = 577.106).

- Nước thải sinh hoạt:

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Giai đoạn đầu: Khi hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực chưa được đầu tư xây dựng, nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC D250mm dọc theo các tuyến đường nội bộ, đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải (bể tự hoại 5 ngăn) của Khu dân cư phía Đông Nam trung tâm huyện, tại 01 vị trí đầu nối ở phía Đông Nam dự án. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X(m) = 1.588.543; Y(m) = 577.319 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trục $108^015'$).

+ Về lâu dài: Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng hoàn thiện, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại các hộ dân, sau đó theo hệ thống thu gom nước thải dọc các tuyến đường nội bộ và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn, nằm ở phía Đông Bắc so với dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí cây xanh dọc tuyến đường giao thông.
- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đất bóc phong hóa: bố trí bãi chứa tạm đảm bảo về môi trường, gần khu vực thi công để thu gom chất thải xây dựng; sau đó vận chuyển về bãi thải thuộc thôn Phú Văn, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân có diện tích khoảng 0,36 ha. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế sa bồi, sạt lở và hoàn trả bãi thải khi kết thúc đổ thải theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Rác thải sinh hoạt tại các gia đình được thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại hộ gia đình: Người dân sẽ tự quản lý, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo quy định của địa phương.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18 giờ 00 – 06 giờ 00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Công trình để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Điều chỉnh phương án thu gom, xử lý nước thải của 02 Đồ án quy hoạch: Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc tuyến đường đã quy hoạch từ trạm 35KVA đến cầu Tụ Lực, thị trấn Tăng Bạt Hồ, huyện Hoài Ân (đã được UBND huyện Hoài Ân phê duyệt tại Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 và Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 24/9/2019); Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 quy hoạch Khu dân cư phía Đông Nam trung tâm huyện (đã được UBND huyện Hoài Ân phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 29/01/2024) để thu gom, xử lý nước thải của dự án và Khu dân cư phía Đông Nam trung tâm huyện theo quy định.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Lập phương án phòng cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Tây Bắc dự án (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15': X(m) = 1.588.399; Y(m) = 576.958).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, hàm lượng bụi.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.